

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTMST
Ngày: 15-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa, bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 5 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-KDTM ngày 25 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty R.

Địa chỉ: Số nhà 364, đường C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng Q, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 47/12, đường Số X, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 24/12/2018 và ngày 07/3/2020). (có mặt)

- Bà Đặng Thị Thanh T2, sinh năm 1997. Đại chỉ: Lầu 7, Tòa nhà IDC, số 163 HBT, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 07/3/2020). (có mặt)

2. *Bị đơn*: Công ty H.

Địa chỉ: Lô B3, Trung tâm thương mại T, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức T3, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức C, sinh năm 1966, địa chỉ: Số 56/1, đường P, ấp L, xã Đ, huyện M (Giấy ủy quyền ngày 20/12/2018). (có mặt)

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Huỳnh Tài Đ, sinh năm 1957, là Luật sư của Chi nhánh Văn phòng luật sư Phạm Văn C tại thành phố H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 465, Quốc lộ Y, khu phố T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người làm chứng*: Anh Phù Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ: Số nhà 364, đường C, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 06/05/2016, Công ty H và Công ty R ký Hợp đồng cung cấp thiết bị điều hòa không khí số PKD-2016-HD028. Theo nội dung hợp đồng, từ ngày 16/9/2016 đến ngày 30/11/2016, Công ty R đã hoàn thành cung cấp thiết bị điều hòa không khí cho công trình tầng trệt và tầng 3 của khách sạn River Hotel. Sau đó Công ty H đã hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào sử dụng thiết bị điều hòa không khí cho khách sạn. Theo hợp đồng thì sau khi hoàn thành công việc thì Công ty H phải thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Công ty R trong thời hạn 30 ngày sau khi Công ty R giao hàng. Giá trị hợp đồng là 1.142.878.000 đồng và giá trị phát sinh là 28.776.000 đồng, tổng cộng là 1.171.654.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty H chỉ thanh toán cho Công ty R số tiền 817.532.100 đồng, còn nợ lại 354.121.000

đồng. Sau nhiều lần Công ty R gọi điện thoại, gửi thư yêu cầu thanh toán, Công ty H vẫn không thanh toán số tiền trên. Nay Công ty R yêu cầu Công ty H thanh toán số nợ gốc 354.121.000 đồng và lãi phát sinh do nợ quá hạn trên số dư nợ gốc tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 12/5/2020 theo mức lãi suất 9%/năm x 1,5 lần x 1.228 ngày là 163.072.721 đồng, đồng thời phải tiếp tục chịu lãi chậm thanh toán từ sau ngày 12/5/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đối với yêu cầu phản tố của Công ty H về việc Công ty R bồi thường thiệt hại số tiền 1.929.082.502 đồng thì Công ty R không đồng ý vì Công ty R không có vi phạm hợp đồng.

Bị đơn Công ty H do ông Bùi Đức C đại diện trình bày: Thời điểm khách sạn River Hotel muốn lắp đặt máy lạnh nên thông qua một người bạn của đứa em của ông C có giới thiệu Công ty R. Sau khi liên hệ, Công ty R cho nhân viên tên H xuống khảo sát nơi cần lắp đặt máy. Sau đó báo cáo với ông C về tình trạng và số lượng máy cần lắp. Ông C thống nhất nên ngày 06/5/2016, Công ty H và Công ty R có ký Hợp đồng cung cấp thiết bị điều hòa không khí số PKD-2016-HD028. Trong đó gồm một hợp đồng kinh tế có giá trị là 1.167.903.000 đồng với Công ty R do ông Trần Trọng Q làm Giám đốc đại diện; một hợp đồng lắp đặt có giá trị 468.013.480 đồng với Công ty T do ông Trần Hiếu T làm Giám đốc đại diện, ông T có quan hệ bà con với ông Q, do Công ty R chỉ định và quyết định việc lắp đặt. Hiện nay Công ty H vẫn nợ tiền công lắp đặt của Công ty T hơn 50.000.000 đồng nhưng Công ty T đến nay đã bỏ cửa, không tiếp tục lắp đặt nữa và cũng không yêu cầu thanh toán. Sau khi thỏa thuận xong hợp đồng, Công ty H đã chuyển khoản đợt một là 30% giá trị hợp đồng cho Công ty R số tiền 350.370.900 đồng. Sau khi nhận được thiết bị máy lạnh và nhân công lắp đặt, Công ty H đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty R 40% giá trị hợp đồng số tiền 467.161.200 đồng. Còn lại 30% giá trị hợp đồng khi nào nghiệm thu thực tế đạt năng suất máy lạnh như hợp đồng cam kết sẽ chuyển khoản để thanh toán là 354.121.000 đồng. Nhưng thời gian nghiệm thu đợt một ngày 14/11/2016, 14 phòng tầng 3 cho mở máy lạnh tới 120 phút trước khi tiến hành nghiệm thu thì nhiệt độ điều chỉnh remote là 17⁰C nhưng thực tế chỉ đạt 24⁰C, nhiệt độ chấp nhận theo hợp đồng là 21⁰C khi phòng

không có người. Tầng trệt mở máy lạnh tới 120 phút trước khi tiến hành nghiệm thu thì nhiệt độ điều chỉnh remote là 17⁰C nhưng thực tế chỉ đạt 25⁰C, nhiệt độ chấp nhận theo hợp đồng là 21⁰C khi không có người. Riêng máy lạnh tầng trệt tại phòng thực phẩm và phòng 314 của tầng 3 đến nay vẫn bị hư bo mạch, chảy nước và không sử dụng được. Nghiệm thu công trình không đạt chất lượng, Công ty H có gửi biên bản nghiệm thu lần một qua email cho ông Q ngày 09/12/2016 và có yêu cầu chỉnh sửa lại máy lạnh tầng 3 và tầng trệt. Sau đó, Công ty H lắp đặt điều chỉnh lại đợt hai, trong thời gian này phải làm lại thạch cao và thuê nhân công, chi phí lên đến 79.990.000 đồng, chi phí phát sinh thêm máy lạnh và phụ tùng là 28.776.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 17/5/2017, nghiệm thu lần hai kết quả vẫn không đạt. Công ty H có gửi biên bản nghiệm thu lần một và lần hai cho ông Q để yêu cầu khắc phục nhưng không nhận được trả lời từ Công ty R. Trong hợp đồng không thỏa thuận cụ thể máy lạnh đạt nhiệt độ như thế nào, tuy nhiên các bên có thỏa thuận sẽ nghiệm thu trực tiếp. Khi nghiệm thu phát hiện máy lạnh có vấn đề về công suất, kỹ thuật, ông C có nhiều lần gọi điện thoại báo cho ông Q để cử nhân viên đến bảo trì, sửa chữa, tuy nhiên Công ty R không có cử nhân viên đến bảo trì sửa chữa theo yêu cầu.

Do đó, phía Công ty R lắp đặt công trình không đạt chất lượng theo yêu cầu, nếu Công ty R tiến hành sửa chữa bảo trì để máy lạnh hoạt động đúng công suất như mong muốn thì phía Công ty H sẽ thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng. Ngược lại, Công ty R phải bồi thường thiệt hại các khoản số tiền là 1.929.082.502 đồng theo yêu cầu phản tố mà Tòa án đã thụ lý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến như sau:
Thống nhất với ý kiến trình bày của ông C nêu trên. Do phía nguyên đơn khảo sát máy, cung cấp máy không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật nên gây ảnh hưởng đến quyền lợi và hoạt động kinh doanh của bị đơn. Công ty nguyên đơn có cử nhân viên đến Khách sạn River Hotel sửa chữa 02 lần, nhưng do hai bên không thống nhất nên không ký biên bản kết quả nghiệm thu, do không đạt hiệu quả nghiệm thu. Vì vậy yêu cầu Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0304138049 (phô tô – chứng thực); Phụ lục 1 ngày 28/11/2016 (phô tô có đóng dấu sao y bản chính của Công ty R); hợp đồng kinh tế số: PKD-2016-HD028 ngày 06/5/2016 (phô tô – chứng thực); chi tiết thiết bị lạnh trung tâm (phô tô – chứng thực); Giấy ủy quyền ngày 01/01/2016 của Công ty cổ phần thương mại và xây dựng H&T (phô tô – chứng thực); Phụ lục điều chỉnh – chi tiết thiết bị lạnh trung tâm (phô tô – chứng thực); Hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo biên bản giao nhận hàng và Phiếu xuất kho ngày 30/11/2016 (phô tô có đóng dấu sao y bản chính của Công ty R); Hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo biên bản giao nhận hàng và Phiếu xuất kho ngày 27/9/2016 (phô tô có đóng dấu sao y bản chính của Công ty R); Hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo biên bản giao nhận hàng và Phiếu xuất kho ngày 16/9/2016 (phô tô có đóng dấu sao y bản chính của Công ty R); Văn bản về việc thanh toán nợ của hợp đồng PKD-2016-HD028 ngày 12/12/2017 của Công ty R (phô tô); Tài liệu vận hành máy lạnh công trình River Hotel, hạng mục hệ thống lạnh Trung tâm RMV – V tháng 12/2016 (phô tô); Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bị đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1700553812 (phô tô – có dấu treo của Công ty H); Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 02/2018/TB-HT ngày 26/11/2018 và Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật số 01/TB-Ht ngày 26/11/2018 (phô tô – có dấu treo của Công ty H); Văn bản số 02/PKD-2016-HD028 ngày 05/9/2016 của Công ty R về yêu cầu thanh toán số tiền 467.161.200 đồng (phô tô); Chứng từ giao dịch Ủy nhiệm chi ngày 13/9/2016 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Kiên Giang (phô tô); Chứng từ giao dịch Ủy nhiệm chi (không rõ ngày tháng năm) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Kiên Giang (phô tô); Biên bản nghiệm thu lần một ngày 09/12/2016 (bản chính); Biên bản nghiệm thu lần hai ngày 17/5/2017 (bản chính); Văn bản về việc báo cáo thực tế nghiệm thu công trình thi công máy lạnh ngày 26/12/2016 (phô tô); Biên bản nghiệm thu công trình lắp đặt máy lạnh Reetech tại

khách sạn River H (phô tô); Bản công thợ làm lại lần hai la phong và kê chi phí vật liệu (phô tô); Văn bản số 03/PKD-2016-HD028 ngày 05/9/2016 (phô tô); 10 tấm hình màu chụp dàn máy Reetech, thau nước, xô nước; Văn bản kính gửi Hội đồng quản trị Công ty CPTM XD H (bản phô tô có 04 trang); Bảng báo giá cung cấp thiết bị ĐHKK của Công ty TNHH TM DV KT Nguyễn Kiên (phô tô). Ngoài ra, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án xử buộc Công ty H phải thanh toán số nợ gốc 354.121.000 đồng và lãi phạt quá hạn thanh toán trên số tiền gốc còn nợ tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 12/5/2020 là 163.072.721 đồng, phải tiếp tục chịu lãi chậm thanh toán từ sau ngày 12/5/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đồng thời không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty R và yêu cầu Công ty R phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do vi phạm hợp đồng, số tiền 1.929.082.502 đồng. Ngay từ đầu, giữa hai bên ký một hợp đồng bao gồm cả cung cấp máy và lắp đặt, nhưng sau đó lợi dụng sự không hiểu biết của đại diện bị đơn mà nguyên đơn tách thành 02 hợp đồng mua bán máy và lắp ráp. Người nhân viên của công ty nguyên đơn tên Phù Văn H là người có trách nhiệm từ đầu đến cuối nhưng không xuất hiện tại Tòa, cũng vì tin tưởng nhân viên tên H là kỹ sư, có chuyên môn, kỹ thuật nên mới xảy ra vụ kiện tụng như hôm nay.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Vì bên nguyên đơn cung cấp máy điều hòa không đảm bảo chất lượng như hợp đồng, việc khảo sát, tư vấn, thiết kế của nguyên đơn không đúng dẫn đến trang bị máy không đạt yêu cầu công suất. Người nhân viên tên H được Tòa án xác định là người làm chứng là không phù hợp, vì H là người đại diện cho công ty nguyên đơn từ đầu đến cuối. Bên bị đơn đã tiến hành nghiệm thu hai lần

đều không đạt kết quả và máy điều hòa không chất lượng có khả năng gây cháy nổ. Bị đơn chỉ thanh toán phần tiền còn lại với điều kiện nguyên đơn phải khắc phục các máy đạt đúng công suất, đúng tiêu chuẩn chất lượng. Nguyên đơn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do kéo dài hợp đồng, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của bị đơn, phải chịu phạt theo hợp đồng và theo quy định tại Điều 302, khoản 2 Điều 307 Luật Thương mại về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Bên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện do bên nguyên đơn vi phạm hợp đồng trước và gây thiệt hại cho bị đơn. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến văn bản số 03/PKD-2016-HD028 ngày 05/9/2016 mà phía nguyên đơn gửi cho bị đơn với mong muốn khắc phục thiệt hại số tiền 132.200.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, vụ án đã quá thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 354.121.000 đồng và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn như thỏa thuận trong hợp đồng; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn có trụ sở tại Lô B3, Trung tâm thương mại T, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng kinh tế, bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng nên đây là tranh chấp phát sinh trong hợp đồng kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Người làm chứng anh Phù Văn H có đơn xin vắng mặt và đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

Về nội dung:

[3] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 06/5/2016, giữa Công ty R và Công ty H có ký kết Hợp đồng kinh tế về cung cấp thiết bị điều hòa không khí số PKD-2016-HD028. Việc giao kết giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005, Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng có hiệu lực theo Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp và sự thừa nhận của các đương sự, bên bán hàng là Công ty R đã thực hiện nghĩa vụ giao đủ số lượng và đúng chủng loại hàng hóa theo như thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế về cung cấp thiết bị điều hòa không khí số PKD-2016-HD028 và phụ lục hợp đồng. Giá trị hợp đồng là 1.142.878.000 đồng và giá trị phát sinh là 28.776.000 đồng, tổng cộng là 1.171.654.000 đồng. Công ty H đã thanh toán cho Công ty R được số tiền 817.532.000 đồng, còn nợ lại 354.121.000 đồng, tương ứng 30% giá trị hợp đồng.

[5] Xét yêu cầu của Công ty R về việc yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền 354.121.000 đồng: Công ty R đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng. Việc Công ty H chưa thanh toán 30% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền 354.121.000 đồng cho Công ty R là đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 8 của Hợp đồng kinh tế về cung cấp thiết bị điều hòa không khí số PKD-2016-HD028 và quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại. Bên cạnh đó, Công ty H không có bằng chứng để ngừng thanh toán tiền mua hàng theo quy định tại Điều 51 của Luật Thương mại. Do vậy, Công ty R khởi kiện về việc yêu cầu Công ty H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng còn lại 354.121.000 đồng là hoàn toàn phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

[6] Về khoản tiền lãi phạt do chậm thanh toán: Tại Điều 10 của Hợp đồng kinh tế về cung cấp thiết bị điều hòa không khí số PKD-2016-HD028, các bên có thỏa thuận: “Nếu Bên A thanh toán chậm cho Bên B theo tiến độ thanh toán được quy định tại Điều 8 thì Bên A phải có trách nhiệm chịu tiền phạt số tiền chậm thanh toán theo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm thanh toán”. Do Bên A là Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu tiền lãi chậm thanh toán. Theo bảng chiết tính lãi phát sinh do nợ quá hạn lập ngày 12/5/2020 của Công ty R đối với Công ty H, mức lãi suất áp dụng là 09%/năm x 1,5 lần kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày 12/5/2019 là 1.228 ngày trên số nợ gốc 354.121.000 đồng, tiền lãi là 163.072.721 đồng. Việc thỏa thuận phạt vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng là sự tự nguyện của các bên và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 163.072.721 đồng; đồng thời Công ty H phải tiếp tục chịu lãi chậm thanh toán từ sau ngày 12/5/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[7] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Công ty H đều trình bày do Công ty R cung cấp thiết bị điều hòa không khí không đảm bảo chất lượng, đã 02 lần nghiệm thu nhưng vẫn không đạt kết quả, hiệu suất như mong muốn; Công ty R đã 02 lần cho nhân viên đến sửa chữa nhưng vẫn không đạt công suất thực của dàn máy; Công ty

H đã nhiều lần gửi email, điện thoại phản ánh tình trạng máy lạnh không đảm bảo chất lượng nhưng Công ty R vẫn không sửa chữa, khắc phục được làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của nhà hàng, khách sạn River Hotel, gây thiệt hại tổng cộng 1.929.082.502 đồng. Ngày 17/02/2020, Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu Công ty H cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh như: Những lần gửi Biên bản nghiệm thu đợt 1 và đợt 2 kèm theo yêu cầu khắc phục tất cả sự cố đến Công ty R; chứng minh việc hai bên có thỏa thuận việc cung cấp các dàn máy lạnh ở tầng 3, tầng trệt (Sảnh lễ tân và nhà hàng) của khách sạn River H phải đạt mức công suất cụ thể như thế nào; chứng minh việc đã có gửi thông báo, yêu cầu Công ty R đến sửa chữa, bảo trì (theo các hình thức thông tin, thông báo, văn bản trao đổi giữa hai bên như đã thỏa thuận tại Điều 15 của Hợp đồng kinh tế số PKD-2016-HD028 ngày 06/5/2016); chứng minh Công ty R có chỉ định (hoặc thỏa thuận với Công ty H) cho Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật T lắp đặt máy lạnh ở tầng 3, tầng trệt (Sảnh lễ tân và nhà hàng) của khách sạn River Hotel; chứng minh đầy đủ từng khoản thiệt hại theo như nội dung yêu cầu phản tố. Tuy nhiên đến nay Công ty H vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do Công ty H không chứng minh được Công ty R có vi phạm nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[8] Về trách nhiệm bảo hành, sửa chữa: Trong quá trình lắp đặt và sử dụng máy lạnh, khi máy có sự cố kỹ thuật thì bên mua hàng phải có thông báo cho bên bán hàng để có phương pháp khắc phục, sửa chữa. Tuy nhiên, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc có thông báo sự cố cho bên bán hàng như đã thỏa thuận tại Điều 15 của Hợp đồng kinh tế số PKD-2016-HD028 ngày 06/5/2016 về thông tin, thông báo, văn bản trao đổi giữa hai bên. Việc có cử nhân viên của Công ty R đến khách sạn River Hotel để sửa chữa, khắc phục máy lạnh bị hư hỏng hay không và thực hiện như thế nào thì các bên chỉ trình bày bằng lời nói mà không chứng minh được bằng văn bản hoặc thỏa thuận cụ thể; đồng thời cũng không có chứng cứ chứng minh máy điều hòa không khí nào bị hư hỏng, tình trạng, mức độ

hư hỏng như thế nào, việc hư hỏng, lỗi kỹ thuật có cơ sở nào xác định là do chất lượng thiết bị hay không, nguồn điện sử dụng có ổn định không và việc vận hành có đúng theo hướng dẫn hay không như các bên đã thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng kinh tế số PKD-2016-HD028 ngày 06/5/2016. Việc nghiệm thu lần một và lần hai theo tài liệu, chứng cứ và theo lời trình bày của đại diện bị đơn chỉ là sự nghiệm thu một chiều do Công ty H tự tiến hành nghiệm thu, không có sự chứng kiến, xác nhận, thống nhất của Công ty R. Theo nội dung biên bản nghiệm thu lần 1 đề ngày 09/12/2016 và biên bản nghiệm thu lần 2 đề ngày 17/5/2017 của Công ty H chỉ nêu hệ thống máy lạnh Reetech do Công ty R cung cấp không đủ năng suất để phục vụ cho tầng 3 và tầng trệt, lắp đặt không đủ công suất, không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, không có nội dung phản ánh máy nào bị hư hỏng. Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn, nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành hàng hóa chỉ được thực hiện khi bên mua hàng thanh toán đủ tiền hàng. Trong khi bên Công ty H chưa thanh toán đủ tiền hàng nên Công ty R không thực hiện việc sửa chữa, bảo hành cho hàng hóa đã cung cấp cho Công ty H. Hơn nữa, Công ty R chỉ hợp đồng cung cấp máy điều hòa không khí mà không hợp đồng việc thi công lắp đặt máy. Căn cứ Điều 49 của Luật Thương mại quy định về nghĩa vụ bảo hành hàng hóa, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến, lý lẽ của đại diện nguyên đơn nêu trên hoàn toàn phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết nên cần chấp nhận.

[9] Ngoài ra, đại diện bị đơn trình bày ngày 05/9/2016, Công ty R có gửi văn bản số 03/PKD-2016-HD028 (bút lục 164-167) cho Công ty H với đề nghị được khắc phục tổng cộng số tiền 132.200.000 đồng để tiến hành thanh lý hợp đồng. Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn, ngày 09/3/2020, khi cung cấp lời khai tại Tòa án, đại diện nguyên đơn có khai do nguyên đơn rất có thiện chí muốn hợp tác bán hàng lâu dài nên mới chịu thiệt để đảm bảo uy tín cũng như sự hài lòng của khách hàng. Tuy nhiên, phía Công ty H đã không đồng ý nên không thực hiện được đề nghị nêu trên. Văn bản số 03/PKD-2016-HD028 là do bị đơn cung cấp, đây chỉ là bản phô tô, không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của công ty nguyên đơn nên việc trình bày nêu trên là quan điểm cá nhân của đại diện nguyên đơn. Sau khi về kiểm tra hồ sơ thì xác định công ty nguyên đơn không có

ban hành văn bản số 03/PKD-2016-HD028 nên văn bản trên không có giá trị pháp lý. Xét thấy ngày ban hành văn bản số 03/PKD-2016-HD028 là ngày 05/9/2016, trong khi ngày giao nhận hàng lần đầu tiên là ngày 16/9/2016, hơn nữa, văn bản số 03/PKD-2016-HD028 chỉ là bản phô tô, không có chữ ký, đóng dấu của công ty nguyên đơn, vì vậy văn bản số 03/PKD-2016-HD028 không có giá trị buộc các bên thực hiện và không có căn cứ để xem xét.

[10] Đại diện bị đơn trình bày giữa Công ty H và Công ty T có ký một hợp đồng lắp đặt có giá trị 468.013.480 đồng. Công ty T do ông Trần Hiếu T làm Giám đốc đại diện, ông T có quan hệ bà con với ông Q, do Công ty R chỉ định và quyết định việc lắp đặt. Tuy nhiên, đại diện bị đơn không chứng minh được việc ký kết hợp đồng lắp đặt có liên quan như thế nào đến Công ty R, trong khi Công ty R không thừa nhận và khẳng định chỉ ký hợp đồng cung cấp thiết bị điều hòa, không tham gia ký kết hợp đồng lắp đặt với Công ty H. Vì vậy, lời trình bày của đại diện bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Trường hợp Công ty H cho rằng việc thi công lắp đặt máy lạnh của Công ty T không đúng kỹ thuật, gây thiệt hại thì có thể khởi kiện Công ty T thành một vụ án khác để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là $(20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \text{ của } 117.193.721 \text{ đồng}) = 24.687.749 \text{ đồng}$ và chịu án phí có giá ngạch do yêu cầu phản tố không được chấp nhận là $(36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \text{ của } 1.129.082.502 \text{ đồng}) = 69.872.475 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 91, 147 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 401, Điều 430 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các điều 24, 49, 50 và Điều 51 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty R. Buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty R số tiền hàng còn nợ là 354.121.000 đồng (Ba trăm năm mươi bốn triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (12/5/2020) là 163.072.721 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty H về việc yêu cầu Công ty R bồi thường thiệt hại số tiền 1.929.082.502 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn năm trăm lẻ hai đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty H phải chịu án số tiền tổng cộng là 24.687.749 đồng + 69.872.475 đồng = 94.560.224 đồng (Chín mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.936.237 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008925 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang, Công ty H còn phải nộp

thêm số tiền 59.623.987 đồng (Năm mươi chín triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).

- Trả lại cho Công ty R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.760.975 đồng (Mười triệu bảy trăm sáu mươi nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001227 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Những người TGTt,
- Lưu: HsVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Chí Dũng